

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2021

v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Khánh
Ông Nguyễn Tấn Thúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng: Bà Trần Lê Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 407/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Thùy L - Sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Kiệt 19/9 đường Đ, Tổ 1 phường A, quận C , thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bảo R - Sinh năm 1983 (vắng mặt lần 2, không có lý do).

Địa chỉ: Kiệt 19/9 đường Đ, Tổ 1 phường A, quận C , thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2020, bảng tự khai đề ngày 03/12/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Bảo R tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận C, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà ba mẹ ông R tại địa chỉ: Kiệt 19/9 đường Đ, Tổ 1 phường A, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng nhất vào khoảng tháng 5/2020. Nguyên nhân là do ông R ăn chơi, sử dụng chất kích thích, không quan tâm đến vợ con, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông R vẫn không thay đổi. Bà xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không khắc phục được, vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Bảo R.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Nguyễn L1- Sinh ngày: 10/6/2009 và cháu Nguyễn Thanh L2 - Sinh ngày: 27/02/2011. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Bảo R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Bảo R: Mặc dù ông R đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông R vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thùy L.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Thùy L đối với ông Nguyễn Bảo R

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn L1- Sinh ngày: 10/6/2009 và cháu Nguyễn Thanh L2 - Sinh ngày: 27/02/2011 cho bà Ngô Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà L không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà L xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2020 thì nguyên đơn khởi kiện đối với ông R để xin ly hôn và nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Bảo R đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Rin.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Ngô Thị Thùy L và ông Nguyễn Bảo R tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2010, quyển số 02/2009 đăng ký ngày 23/7/2010. Do đó, hôn nhân giữa ông R và bà L là hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của bà L, HĐXX nhận thấy: Sau khoảng thời gian sống chung vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông R không quan tâm đến vợ con, ăn chơi nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Do đó, tháng 5/2020 bà L đã về nhà mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Tuy nhiên, ông R không có những động thái tích cực để hàn gắn, níu kéo bà L về chung sống lại với ông. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông R vẫn

không đến Tòa án để tham gia tố tụng hay để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ ông R bỏ mặc, không quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà L . Đồng thời, tại biên bản xác minh ở địa phương thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng ông R và bà L đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Do đó, HĐXX có căn cứ xác định: Mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông R đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tại phiên tòa, bà L xác định không còn tình cảm với ông R nữa nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông R.

[2.2] Về con chung: Bà L xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn L1- Sinh ngày: 10/6/2009 và cháu Nguyễn Thanh L2 - Sinh ngày: 27/02/2011. Ly hôn, bà L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Theo xác minh địa phương cung cấp thì hiện nay cháu Lê và cháu Liêm đang sống cùng bà L . Ngoài ra, tại bản trình bày đề ngày 26/01/2021 của cháu Lê và cháu Liêm thì cả hai cháu đều có nguyện vọng được chung sống với bà L khi vợ chồng bà ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của Linh việc giao 02 con chung Nguyễn L1 và cháu Nguyễn Thanh L2 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo mọi mặt về tâm lý và không xáo trộn cuộc sống hiện tại của các cháu. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà L và ông R đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa bà L xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Tại phiên tòa bà L xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Ngô Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thùy L đối với ông Nguyễn Bảo R về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị Thùy L được ly hôn với ông Nguyễn Bảo R (Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2010, quyền số 02/2009 đăng ký ngày 23/7/2010 tại UBND phường A, quận C, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Nguyễn L1- Sinh ngày: 10/6/2009 và cháu Nguyễn Thanh L2 - Sinh ngày: 27/02/2011 cho bà Ngô Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Bảo R không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà L xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Ngô Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008541 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND p. Hòa An;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền

